

CÚNG HƯƠNG

Weihrauchopferung

Nguyện mây hương màu này,
Möge diese wunder wirkende Weihrauchwolke,
Biển khắp mười phương giới,
Sich in die Welt der zehn Richtungen ausbreiten,
Cúng dường tất cả Phật,
Opfergabe an alle Buddhas,
Tôn Pháp, chúng Bồ tát,
An den Erhabenen Dharma, an die Versammlung der Bodhisattvas,
Vô biên Chúng Thanh văn,
An die Grenzenlose Versammlung der Arhats,
Cùng tất cả Thánh Hiền,
Zusammen an alle heiligen Weisen,
Từ nơi đài sáng chói,
Welche von dem strahlend glänzenden Thron,
Làm Phật sự đúng Pháp:
Buddha-Aktivität mittels wahren Dharma ausführen:
Rộng dạy khắp chúng sinh,
Sie übertragung die Lehre an alle Lebewesen,
Đều phát tâm Bồ đề,
eröffnen allen den Geist der Erwachens,
Xa rời các vọng nghiệp,
Halten alle fern von jeglichem illusorischem Karma,
Trọn thành Đạo vô thượng.
Um den vollkommenen unübertroffenen Pfad zu verwirklichen.

KỶ NGUYỆN

Selbstgelöbnis

Đệ tử chúng con nguyện với Tam Bảo hiện ở khắp mười phương pháp giới
Wir deine Schüler geloben mit den im Dharmadhatu der zehn Himmelsrichtungen
erscheinenden drei Juwelen,

, ĐỨC BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT, ĐỨC TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT,

Durch den tugendhaften Guru Shakyamuni Buddha, und dem tugendhaftem Führer und Guru Amitabha Buddha,
từ bi gia hộ đệ tử chúng con BỒ ĐỀ TÂM KIÊN CỐ, TỰ GIÁC, GIÁC THA, GIÁC HẠNH VIÊN MÃN

welcher seine Schüler schützt und mit Güte und Mitgefühl ihren Bodhichitta-Geist stark hält, um Selbstbefreiung, Befreiung Anderer und die vollendete Tugend der Befreiung zu Erlangen,

, cùng với chúng sinh trong pháp giới, đồng thời chúng đấng A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề.

Und zusammen mit allen Lebewesen im Dharmadhatu, gleichzeitig die vollkommene Buddhaschaft zu verwirklichen.

TÁN DƯƠNG PHẬT BẢO Buddha Lobpreisung

Đấng Pháp Vương vô thượng,
ehrwürdig größter Dharma König,
Ba cõi chẳng ai bằng,
unvergleichlich in den drei Bereiche,
Thầy dạy cả trời người,
Lehrer der Götter und Menschen,
Cha lành của bốn loại,
gütiger Vater für die Lebewesen der vier Geburtsformen,
Nơi một niệm quy y,
wo durch einen Moment Zuflucht nehmen,
Tận diệt nghiệp ba đời,
alles Karma der drei Zeiten gereinigt wird,
Xưng dương cùng tán thán,
Die Lobpreisung an dich,
Ức kiếp không cùng tận.
wird in unendlichen Zeiten nie enden.

QUÁN TƯỢNG Visualisation

Người lễ, Đối tượng, tánh rỗng lặng,
Subjekt und Objekt der Verehrung sind ihrer Natur nach leer und still,
Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn,
Ihre geistige Verbindung ist unbeschreiblich und unvorstellbar,
Đạo tràng này như châu lưới trời,
Das Mandala, in dem ich mich nun befinde, ist wie das Juwelen-Netz Indras,
Chư Phật mười phương hiện trong đó,
Alle Buddhas der zehn Richtungen spiegeln sich in jedem Juwel wieder,
Mỗi thân con hiện trước mỗi Phật,

*Mein eigener Körper erscheint nun in der selben Vielzahl vor allen Buddhas,
Đầu mặt đánh lễ chân Thế Tôn.
Mit dem Gesicht die Füße der Buddhas berührend, zum wahren Leben zurückkehrend,
verneige ich mich.*

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô tận hư không, biển pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trú Tam Bảo.

(1 lay)

Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Verehrung den Buddhas, der Vergangenheit, Gegenwart, Zukunft und der zehn Richtungen, dem erhabenen Dharma und dem gütigen Sangha, den drei Juwelen, die das gesamte Universum und den Dharmadhatu durchdringen.

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Ta Bà Giáo chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát.

(1 lay)

Verehrung dem Begründer der Lehre der Samsara-Welt Guru Shakyamuni Buddha, Maitreya dem Buddha der Zukunft, Manjushri dem Bodhisattva der großen Weisheit, Samantabhadra dem Bodhisattva der großen Aktivität, den ehrwürdigen Bodhisattvas, den Dharmabeschützern, der höchsten Versammlung von Buddhas und Bodhisattvas auf dem Berg Grdhrakuta.

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Đông Phương Giáo Chủ Mãn Nguyệt Từ Dung, Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Phật Mẫu Đại Thánh Chấn Đề Vương Bồ Tát, Dược Sư Hội Thượng Phật Bồ Tát.

(1 lay)

*Verehrung östliche Welt, Medizin Buddha**

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ Tát.

(1 lay)

Verehrung dem gütigen und mitfühlenden Buddha Amitabha in der westlichen Welt, Avalokitesvara dem Bodhisattva des großen Mitgeföhls, Mahasthamaprapta dem Bodhisattva der Kraft und Weisheit, Ksitigarbha dem Bodhisattva der großen Gelübde, den Bodhisattvas der ozeangleichen Versammlung.

Con xưa vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô trí tham sân si, từ thân miệng ý phát sanh ra, nay trước Phật đài cầu sám hối. Nhất tâm đánh lễ: Nam Mô Sám Ma Chủ Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

(1 lay)

*Ich habe seit anfangsloser Zeit unwirkliches Karma angesammelt, alles wegen unendlicher Gier, Hass und Verblendung, entstanden durch Körper, Rede und Geist, heute möchte ich vor Buddha alles bereinigen. Aus tiefstem Herzen verneige ich mich:
Namo Herr der Bereinigung Akasagarbha Bodhisattva Mahasattva.*

Con xưa vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô trí tham sân si, từ thân miệng ý

phát sanh ra, tất cả tội chướng nay sám hối. Nhất tâm đảnh lễ: Nam Mô Sám Ma Chủ Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. (1 lạy)

Ich habe seit anfangsloser Zeit unwirkliches Karma angesammelt, alles wegen unendlicher Gier, Hass und Verblendung, entstanden durch Körper, Rede und Geist, heute möchte ich vor Buddha alle unheilsamen Hindernisse bereinigen. Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namo Herr der Bereinigung Akasagarbha Bodhisattva Mahasattva

Con xưa vốn tạo các vọng nghiệp, đều do vô thỉ tham sân si, từ thân miệng ý phát sanh ra, tất cả tội căn nay sám hối. Nhất tâm đảnh lễ: Nam Mô Sám Ma Chủ Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

(1 lạy)

Ich habe seit anfangsloser Zeit unwirkliches Karma angesammelt, alles wegen unendlicher Gier, Hass und Verblendung, entstanden durch Körper, Rede und Geist, heute möchte ich vor Buddha alle Wurzeln von unheilsamen Taten bereinigen. Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namo Herr der Bereinigung Akasagarbha Bodhisattva Mahasattva

MÔNG SƠN THÍ THỰC

Mengshan Speisen Opferung

o0o

Nam mô Diệm Nhiên Vương Bồ tát. (3 lần)

Lửa lớn chói rực chiếu thiết thành,

Großes Feuer leuchtet über der Eisen Burg

Thiết thành nung nấu đốt cô hồn,

In der glühenden Eisen Burg verbrennen die Geister

Cô hồn nếu muốn sinh Tịnh độ,

wollen die Geister im Reinen Land geboren werden,

Nghe tụng Hoa Nghiêm nửa kệ kinh:

mögen Sie die Rezitation der halben Gatha aus dem Avatamsaka-Sutra hören:

Nếu người muốn thấu triệt,

Wenn man das tiefe Verständnis haben möchte,

Tất cả ba đời Phật,

vom Buddha der drei Zeiten

Hãy quán tánh pháp giới,

Muss man die Eigennatur des Dharmadhatu visualisieren:

Đều do tâm tạo thành.

alles wird nur vom Geist erzeugt.

PHÁ ĐỊA NGỤC CHƠN NGÔN/ Mantra zur Zerstörung der Hölle:

NAMO' ṢṬASITINAM SAMYAKSAMBUDDHA KOṬINAM OM JNANA-

AVABHASI - DIDI DIDI HUM. (3 lần)

PHỔ TRIỆU THỈNH CHƠN NGÔN Mantra zur allumfassenden Herbeirufung(der Pretas):

NAMO BHŪ BHŪRI- KĀRI TĀRI TATHĀGATĀYA. (3 lần)

GIẢI OAN KIẾT CHƠN NGÔN Mantra zur Auflösung von Feindschaften:

OM SAMTĀRA GHĀTA SVĀHĀ. (3 lần)

Nam mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. (3 lần)

NamoAvatamsakasutra

Nam mô thường trụ thập phương Phật,

Namo Buddhas die beständig verweilen in den Zehn Richtungen

Nam mô thường trụ thập phương Pháp,

Namo Dharma die beständig verweilen in den Zehn Richtungen

Nam mô thường trụ thập phương Tăng,

Namo Sangha die beständig verweilen in den Zehn Richtungen

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Namo Guru Shakyamuni Buddha

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát,

Namo dem überaus mitfühlenden Avalokiteshvara Bodhisattva

Nam mô Minh Dương cứu khổ Địa Tạng Vương Bồ tát,

Namo der in der Dunkelwelt die Leidenden befreit, Ksitigarbha Bodhisattva

Nam mô Khải giáo A Nan Đà Tôn giả.

Namo dem ehrwürdigen Ananda, der um Unterweisung gebeten hat.

(bảy câu trên đây tụng 3 lần)

Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Zuflucht zum Buddha, Zuflucht zum Dharma, Zuflucht zur Sangha

Quy y Phật, đấng phước trí vẹn toàn,

Zuflucht zum Buddha, der vollkommenen Weisheit

Quy y Pháp, đạo thoát ly tham dục,

Zuflucht zum Dharma, dem Weg zur Erlösung von Gier und Anhaftung

Quy y Tăng, bậc tu hành chân chánh.

Zuflucht zur Sangha, welche die wahre Praxis durchführen

Quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi.

Zuflucht zum Buddha, Zuflucht zum Dharma, Zuflucht zur Sangha ist genommen!

(ba câu trên đây tụng 3 lần)

Phật tử Buddhisten

Hữu tình *fühlende Lebewesen*
Cô hồn *Geister*

võn tạo các ác nghiệp,
haben alle unheilsame Taten durchgeführt

Đều do vô thí tham, sân, si,
seit anfangsloser Zeit durch Gier, Hass und Verblendung
Từ thân miệng ý mà sinh ra,
aus Körper, Sprache und Geist entstanden.

Tất cả Phật tử *Alle Buddhisten*

Tất cả Hữu tình *Alle fühlende Lebewesen*

Tất cả Cô hồn *Alle Geister*

đều sám hối.
bekennen allen ihre Taten

Chúng sinh không số lượng, thệ nguyện đều độ khắp,
Unzählig sind die lebenden Wesen, ich gelobe, sie alle zu befreien.

Phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch,
Unerschöpflich sind die leidenschaftenden Illusionen, ich gelobe, sie alle zu überwinden.

Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học,
Unermesslich sind die Tore des Dharma, ich gelobe sie ganz zu durchdringen.

Phật đạo không gì hơn, thệ nguyện sẽ viên thành.
Unendlich ist der Buddha-Weg, ich gelobe ihn ganz zu verwirklichen.

(bốn câu trên tụng 3 lần)

Tự tánh chúng sinh thệ nguyện độ,
Die Eigennatur der Lebewesen gelobe ich zu befreien,

Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn,
Die Eigennatur der Leidenschaften gelobe ich zu beenden,

Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,
Die Eigene Essenz der Dharmapraxis, gelobe ich zu erlernen

Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành.
Die Eigene Essenz des Buddhapfads gelobe ich zu vollenden.

(bốn câu trên tụng 3 lần)

DIỆT ĐỊNH NGHIỆP CHƠN NGÔN/Mantra zur Vernichtung des feststehenden Karmas:
OM PRAMARDANI SVĀHĀ. *(3 lần)*

DIỆT NGHIỆP CHƯỚNG CHƠN NGÔN/Mantra zur Vernichtung der Hindernisse :
OM ĀLOLIKE SVĀHĀ. *(3 lần)*

KHAI YẾT HẬU CHƠN NGÔN/Mantra zur Öffnung der Kehlen:

OM BHŪ-PUD-TRI GHĀTĪ TATHĀGATĀYA. (3 lần)

TAM MUỘI DA GIÓT CHƠN NGÔN/Mantra zur Samaya-Ordensregel:

OM SAMAYAS STVAM. (3 lần)

BIẾN THỰC CHƠN NGÔN/Mantra zur Umwandlung der Speise:

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA-AVALOKITA OM SAMBHĀRA SAMBHĀRA HŪM. (3 lần)

CAM LỒ THỦY CHƠN NGÔN/Mantra zur Transformation von Amrta-Wasser:

NAMAḤ SURŪPĀYA TATHĀGATĀYA TADYATHĀ OM SRU SRU PRA SRU PRA SRU SVĀHĀ. (3 lần)

NHỨT TỰ THỦY LUÂN CHƠN NGÔN/Mantra des einsilbigen Wasser-Rads:

OM VAM VAM VAM-VAM-VAM. (3 lần)

NHỮ HẢI CHƠN NGÔN/Mantra zur Transformatiom des Milchmeers:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM OM VAM. (3 lần)

Nam mô Đa Bảo Như Lai,

Namo dem Tathagata Zahlreicher Edelsteine

Nam mô Bảo Thắng Như Lai,

Namo dem Tathagata Edelstein-Erhaben

Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai,

Namo dem Tathagata Wundervoller Körper

Nam mô Quảng Bát Thân Như Lai,

Namo dem Tathagata Allumfassender-Körper

Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai,

Namo dem Tathagata Amrta-König

Nam mô Cam Lô Vương Như Lai.

Nam mô A Di Đà Như Lai.

Namo dem Tathagata Amitabha!

(bảy câu trên tụng 3 lần)

Thần chú gia trì Tịnh pháp thực rộng thí hà sa chúng Phật tử..

Gesegnete Mantra Opfergabe, der Reinen Lebensmittel, wird geopfert so groß wie der Ganges an die Versammlung der Buddhisten..

Thần chú gia trì Pháp thí thực rộng thí hà sa chúng Hữu tình..

Gesegnete Mantra Opfergabe, der Dharmamittel, wird geopfert so groß wie der Ganges an die Versammlung der fühlenden Lebewesen..

Thần chú gia trì Nước Cam lồ rộng thí hà sa chúng Cô hồn..

Gesegnete Mantra Opfergabe, des Nektars, wird geopfert so groß wie der Ganges an die Versammlung der Geister..

..Nguyện đều đầy đủ, bỏ xan tham, mau thoát U minh sinh Tịnh độ,
quy y Tam bảo phát Bồ đề, để thành đạo vô thượng rốt ráo, công đức
không dứt đến đời sau.

*Mögen alle genügend erkennen , das Habgier loszulassen ist, und schnell aus der Dunkelheit
entkommen um im Reinem Land wiedergeboren zu werden. Mögen wir Zuflucht zur den Drei
Juwelen und Boddhicitta entfalten, um den höchste Weg zu verwirklichen, damit der Verdienst
bis zur Unendlichkeit nie enden wird.*

tất cả Phật tử *Alle Buddhisten*

tất cả Hữu tình *Alle fühlende Lebewesen* đều thọ pháp *alle Dharma erhalten.*

tất cả Cô hồn *Alle Geistern*

Nhữ đẳng

(alle einzelnen)

Các vị chúng Phật tử Tôi nay cúng các ngài Đồ này biến mười
phương Tất cả Phật tử thấy.

*Heute bringe ich an alle Buddhisten Opfertgaben dar, diese Speisen erscheinen in allen zehn
Richtungen an alle Buddhisten zusammen.*

Các vị chúng Hữu tình Tôi nay cúng các ngài Đồ này biến mười
phương Tất cả Hữu tình thấy.

*Heute bringe ich an alle fühlenden Lebewesen Opfertgaben dar, diese Speisen erscheinen in
allen zehn Richtungen an alle fühlenden Lebewesen zusammen.*

Các vị chúng Cô hồn Tôi nay cúng các ngài Đồ này biến mười
phương Tất cả Cô hồn thấy.

*Heute bringe ich an alle Geister Opfertgaben dar, diese Speisen erscheinen in allen zehn
Richtungen an alle Geister zusammen.*

Nguyện đem công đức này,

diesen Verdienst widme ich,

Rộng ban cho tất cả,

Allgemein an Alle,

Chúng tôi cùng Phật tử

Ich und alle Buddhisten

Chúng tôi cùng Hữu tình
Ich und alle fühlende Lebewesen
Chúng tôi cùng Cô hồn
Ich und alle Geister

đều chung thành Phật đạo.
werden die Buddhaschaft erreichen.

THÍ VÔ GIẢ THỰC CHƠN NGÔN/ Mantra zur große vollkommene Opferung:

OM MŪLINI SVĀHĀ. (3 lần)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN:
Mantra der allumfassenden Darbringung

OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH.

(3 lần)

(Trở về bàn Phật)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

oOo

Khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa, ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thấy khổ ách.

Während der edle Bodhisattva Avalokitesvara in der Essenz der Vollkommenheit der Weisheit verweilte erkannte er, dass die fünf Skhandas leer sind und so überwand er alles Leid und Unheil.

“Này ông Xá Lợi Phất, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế”.

Sariputra, Form ist nicht verschieden von Leerheit, Leerheit ist nicht verschieden von Form. Form ist Leerheit und Leerheit ist Form. Mit Empfindungen, Unterscheidungen, Gestaltenden Faktoren und Bewußtheit verhält es sich ebenso.

“Này ông Xá Lợi Phất, ‘tướng Không của mọi pháp’ không sanh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt.

Sariputra, Alle Phänomene haben das Merkmal der Leerheit, Sie entstehen nicht, sie vergehen nicht, sind weder befleckt noch unbefleckt, nehmen weder zu noch nehmen sie ab.

Nên trong ‘Chân Không’ không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Deshalb gibt es in der Leerheit keine Form, keine Empfindungen, keine Unterscheidung, keine Gestaltenden Faktoren und kein Bewußtsein. Es gibt keine Augen, keine Ohren, eine Nase, keine Zunge, keinen Körper, keinen Geist; Es gibt nichts Sichtbares, keine Töne, keine

Gerüche, keine Geschmäcke, nichts Tastbares, keine Phänomene.

Không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới, không có vô minh, cũng không có cái hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có cái hết già chết.

Es gibt keine Bereiche: keine Bereiche des Sichtbaren bis hin zu keinen Bereichen des Geistigen Bewusstseins.

Es gibt keine Glieder des Abhängigen entstehens: keine Unwissenheit und kein aufhören der Unwissenheit, bis hin zu kein Alter und Tod und kein Aufhören von Alter und Tod.

không có khổ, tập, diệt, đạo. không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc.

Es gibt Kein Leid, keinen Ursprung, keine Beendigung und keinen Pfad. Es gibt keine Weisheit und kein Erlangen

Nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không ngăn ngại.

Weil es kein Erlangen gibt ist der Bodhisattva gestützt auf die Essenz der Vollkommenheit der Weisheit in seinem Geist ungehindert.

Vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa hăi điên đảo, mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết Bàn.

Weil er ungehindert ist hat er keine Furcht. Er entfernt die Verwirrung und Illusionen und erreicht so das Vollkommene Nirvana.

Chư Phật trong ba đời cũng y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Alle Buddhas der drei Zeiten erlangen gestützt auf die Essenz der Vollkommenheit der Weisheit, die unübertroffene, vollkommene Erleuchtung.

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thảy khổ, chân thật không hư.”

Ist die Essenz der Vollkommenheit der Weisheit verstanden, dieses große magische Mantra, dieses große leuchtende Mantra, dieses unübertroffene Mantra, dieses unvergleichliche Mantra, kann alles Leid überwunden werden, dies ist wahr und nicht falsch.

Vì vậy, liền nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa:

Darum rezitiere man das Mantra der der Vollkommenheit der Weisheit:

Tadyathā Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate Bodhi Svāhā”. (3 lần)

VĂNG SINH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN:

Mantra zur Geburt im reinen Land

**NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA TADYATHĀ OM AMṚTE
AMṚTODHAVE AMṚTA SIDDHAM BHAVE AMṚTA VIKRĀNTE AMṚTA
VIKRĀNTA GAMINI GAGANA KĪRTI KARĪ SARVA KARMA KLEŚA
KṢAYAM KARE SVĀHĀ.** (3 lần)

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,

Bitte um Frieden am Tag, Frieden in der Nacht,

Đêm ngày sáu thời thường an lành,

Möge Tag und Nacht, alle sechs Zeiten immer Frieden sein,

Tất cả các thời đều an lành,

Mögen alle Zeiten friedlich sein,

Nguyện các Thượng Sư thương nhiếp thọ.

Mögen alle großen Meister uns mit Ihrer Liebe segnen.

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,

Bitte um Frieden am Tag, Frieden in der Nacht

Đêm ngày sáu thời thường an lành,

Möge Tag und Nacht, alle sechs Zeiten immer Frieden sein,

Tất cả các thời đều an lành,

Mögen alle Zeiten friedlich sein,

Nguyện cho Tam bảo thương nhiếp thọ.

Mögen die drei Juwelen mit Ihrer Liebe uns segnen.

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,

Bitte um Frieden am Tag, Frieden in der Nacht,

Đêm ngày sáu thời thường an lành,

Möge Tag und Nacht, alle sechs Zeiten immer Frieden sein

Tất cả các thời đều an lành,

Mögen alle Zeiten friedlich sein,

Nguyện các Hộ pháp thường ủng hộ.

Mögen alle Dharmaschützern mit Ihrer Liebe uns segnen

Bốn loài đồng lên đài báu,

Die Lebewesen der vier Geburtenformen werden gleich den Juwelen Thron besteigen,

Ba cõi chết sanh ao sen,

Die Drei Welten werden nach dem Tod wieder im Lotussee geboren,

Hà sa nạ quý chúng Tam Hiền,

Yakshas so viel wie die Sandkörner des Ganges werden drei Grade der Tugendhaften verwirklichen,

Vạn loài hữu tình vào Thập Địa.

Alle Arten der fühlenden Lebewesen werden die zehn Bhumis erreichen.

TÁN PHẬT

Phật A Di Đà Thân sắc vàng,

Buddha Amitabhas Körper is von goldener Farbe,

Tướng tốt chói sáng tự trang nghiêm,

seine vorzüglichen körperlichen Merkmale und sein Lichtglanz sind unvergleichlich,

Bạch hào uốn chuyển như Tu Di,

das weiße Haar zwischen seinen Augenbrauen ist gewunden und so groß wie fünf Sumerus,

Mắt biếc sáng trong như biển lớn,

seine violetten Augen sind klar und rein wie die großen Ozeane,

Trong quang hóa Phật vô số ức,

unzählige hundert Millionen Nirmanakaya-Buddhas erscheinen im Lichtglanz Amitabhas,

Vô số Bồ Tát hiện ở chung,

auch die Menge der Bodhisattvas ist grenzenlos,

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh,

seine achtundvierzig Gelübde retten die Lebewesen,

Chín phẩm, chúng sanh đồng giải thoát.

die neun Geburtskategorien führen alle Lebewesen ans andere Ufer.

Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

Namo dem äußerst gütigen und mitfühlenden Buddha Amitabha in der westlichen Welt der höchsten Freude.

Nam mô A Di Đà Phật.

(30 biến, niệm nhiều càng tốt)

Namo Buddha Amitabha

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ tát.

(3 lần)

Namo Bodhisattva Avalokitesvara

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát.

(3 lần)

Namo Bodhisattva Mahasthanaprapta

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ tát.

(3 lần)

Namo Bodhisattva Ksitigarbha

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ tát.

(3 lần)

Namo der reinen, ozeangleichen Versammlung der Bodhisattvas

Quyè đọc bài

SÁM NHỨT TÂM

Reines Land Gelübde des Mönchs Ciyun

Một lòng quy kính Phật A Di Đà, Thế giới Cực Lạc, Nguyện lấy hào quang trong sạch soi cho, Lấy thế từ bi mà nhiếp thọ cho, Con nay chánh niệm, Niệm hiệu Như Lai, Vì đạo Bồ Đề cầu sanh Phật Độ.

Mit einspitzigen Geist nehme ich mit meinem Leben Zuflucht zum Buddha Amitabha in der Welt der höchsten Freude. Möge er mich mit seinem reinen Licht bescheinen, mich in seine gütvollen Gelübde aufnehmen. Ich vergegenwärtige nun in richtiger Weise den Buddha Amitabha, preise den Namen des Tathagata, um des Bodhisattva Pfades willen strebe ich nach der Geburt im Reinen Land.

Phật xưa có thế: Nếu có chúng sanh, muốn sanh nước ta, hết lòng tin nguyện, xưng danh hiệu ta, cho đến mười niệm, nếu chẳng đặng sanh, chẳng thành chánh giác.

Gemäß Buddha Amitabhas altem Wurzelgelübde: "Wenn es Lebewesen gibt, die in meinem

Land geboren werden wollen und mit richtiger Geisteshaltung, gläubig und erfreut, an meinen Namen denken und bis zu zehn Mal meinen Namen rezitieren und dann nicht in meinem Land geboren werden, will ich die Erleuchtung nicht erlangen!"

Do vì nhân duyên niệm hiệu phật này, Được vào trong bể, Đại thế như lai, Nhờ sức từ bi, Các tội tiêu diệt, Căn lành tăng trưởng, Khi mạng gần chung, Biết trước giờ chết, Thân không bệnh khổ, Tâm không tham luyến, Ý không điên đảo, Như vào thiền định.

Mit diesen Ursachen der Vergegenwärtigung des Buddha Amitabha erlange ich Eintritt in des Tathagatas Ozean der großen Gelübde. Dank der Kraft der Güte des Buddha schwindet die Menge meiner Übeltaten und die guten Wurzeln wachsen. Wenn das Ende meines Lebens naht, werde ich wissen, wann der Zeitpunkt des Todes sein wird. Und mein Körper wird frei von Krankheiten und Leiden sein, mein Geist wird an nichts haften und mein Bewusstsein nicht verwirrt sein, wie beim Eintreten in einen Samadhi.

Phật và thánh chúng, Tay nâng kim đài, Cùng đến tiếp dẫn, Trong khoảng một niệm, Sanh về Cực Lạc, Sen nở thấy Phật, Liền nghe Phật Thừa, Chóng mở Phật Tuệ, Khắp độ chúng sanh, Trọn Bồ Đề Nguyên.

Der Buddha, mit einem goldenen Lotusblüten Sockel in der Hand, und die Versammlung der Heiligen werden kommen um mich zu empfangen. In einem Gedanken Moment werde ich geboren werden im Land der reinen Freude. Wenn sich die Lotusblüte öffnet, werde ich den Buddha sehen, vom Buddhayana hören und sofort wird sich mir die Buddhaweisheit eröffnen. Allumfassend werde ich die Lebewesen retten, mein Bodhi-Gelübde erfüllen.

Chúng sanh không số lượng, Thệ nguyện đều độ khắp,
Phiền não không cùng tận, Thệ nguyện đều dứt sạch,
Pháp môn không kể siết, Thệ nguyện đều tu học,
Phật đạo không gì hơn, Thệ nguyện được viên thành.

*Unzählig sind die lebenden Wesen, ich gelobe, sie alle zu befreien.
Unerschöpflich sind die leidenschaftlichen Illusionen, ich gelobe, sie alle zu überwinden.
Unermesslich sind die Tore des Dharma, ich gelobe sie ganz zu durchdringen.
Unendlich ist der Buddha-Weg, ich gelobe ihn ganz zu verwirklichen.*

TÁN LỄ

Xung tán cảnh Cực Lạc trong mát ở phương tây, có ao sen chín phẩm ngát hương thơm, có cây báu sắp thành hàng;

Vehrerung dem reinen Land der höchsten Freude im Westen, in dem sich ein Lotusteich befindet mit den duftenden Blumen der neun Geburtskategorien und wo Juwelenbäume

aufgereiht sind;

thường nghe tiếng nhạc trời tán dương: đức Phật A Di Đà phóng hào quang đại từ bi để dạy pháp và ban sự gia bị cho vô số chúng sanh.

wo ständig himmlische Klänge von Glockengeläut zu hören sind, wo Amitabha Buddha das Licht der Barmherzigkeit freisetzt um Belehrungen und Segnungen an alle Lebewesen zu geben.

Mọi người nay đây đều xưng tán, nguyện sanh về An Dưỡng, mọi người nay đây đều xưng tán, đồng sanh về An Dưỡng.

Alle Anwesenden preisen den Buddha in einem Lied, mögen wir im reinen Land der friedvollen Nahrung wiedergeboren werden. Alle Anwesenden preisen den Buddha in einem Lied, mögen wir gemeinsam im reinen Land der friedvollen Nahrung wiedergeboren werden.

THỊ NHỰT

Gatha über die Vergänglichkeit des Lebens und eine Ermahnung zum unermüdlichen Voranschreiten.

Ngày nay đã qua,

Dieser Tag ist bereits vorbei,

mạng sống giảm theo, như cá mắc cạn,

So verringert sich unsere Lebenszeit wie Fische im abnehmenden Wasser,

có gì vui đâu!

Was gibt es sich daran zu freuen!

Đại chúng cần nên tinh tấn,

Große Versammlung! Strebt unermüdlich voran,

như dập lửa đang cháy trên đầu,

als wenn ihr euren brennenden Kopf löschen müsstet!

hãy nhớ vô thường mà đừng để sự lười mỗi phút giây.

Vergegenwärtigt euch stets die Vergänglichkeit, seid achtsam ohne Muße!

HỒI HƯƠNG

Công đức tụng kinh hạnh lớn nhất,

Die, durch die Verdienste der Rezitation erlangten ausgezeichneten Tugenden

Bao nhiêu phúc báu đều hồi hướng,

und das grenzenlos ausgezeichnete Glück, möchte ich nun sämtlich widmen.

Rộng nguyện chúng sanh trong pháp giới,
Mögen alle Lebewesen des Dharmadatu,
Mau về cõi Phật Vô Lượng Quang,
schnell ins Land des Amitabha geboren werden.
Nguyện tiêu ba chướng trừ phiền não,
mögen sie frei von den drei Hindernissen und Leidenschaften sein,
Nguyện chân trí tuệ thường sáng tỏ,
mögen sie die wahrhaft strahlende und durchscheinende Weisheit erlangen,
Nguyện bao tội chướng thảy tiêu trừ,
mögen sie alle Unheilsamkeiten und Hindernisse beseitigen und vernichten,
Kiếp kiếp thường tu Bồ Tát Đạo.
Möge von Generation zu Generation beständig der Bodhisattva-Pfad geübt werden.
Nguyện sanh Tịnh Độ cảnh phương tây,
Mögen wir im westlichen Reinen Land wiedergeboren werden,
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ,
in dem der Lotus der Neun Stufen zu unseren Eltern wird
Sen nở thấy Phật chứng vô sanh,
öffnet sich der Lotus, sehen wir den Buddha und erlangen Nicht-mehr-Geburt,
Bồ Tát bất thối, làm bạn hữu.
Die Aryas werden unsere Freunde.

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng. (1 lay)

Ich nehme Zuflucht zum Buddha und gelobe allen Lebewesen zu helfen den großen Pfad zu ergründen und zu verstehen, damit sie die unübertreffliche Geisteshaltung verwirklichen.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, sâu vào kinh tạng, trí huệ như biển. (1 lay)

ich nehme Zuflucht zum Dharma und gelobe allen Lebewesen zu helfen tief in den Sutra-Schatz einzudringen, damit ihre Weisheit so unermesslich wie der Ozean wird.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, thảy đều không ngại.

Ich nehme Zuflucht zum Sangha und gelobe allen Lebewesen zu helfen sich zu einer großen Gemeinschaft zusammenzuschließen, damit Sie keinerlei Hindernisse auf dem Weg zur Buddhaschaft erfahren.

Nguyện đem công đức này,
Mögen diese Verdienste
Hướng về khắp tất cả,
auf alle Wesen übertragen werden.
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật Đạo.
Mögen wir alle gemeinsam die vollkommene Buddhaschaft verwirklichen.

Ba Hai (32) Tướng Tốt Trang Nghiêm Thân, Đầu Từ Vô Lượng Kiếp Tu Nhân, Mặt Như Trăng Sáng Mắt Như Sen, Người Trời Cung Kính Đòng Đảnh

Lễ.

32 heilsame Kennzeichen schmücken den Körper, diese kommen von unendlich angesammelten Samen, sein Gesicht ist wie der Vollmond und seine Augen sind wie Lotusblätter, Menschen und Götter verehren ihn und werfen sich vor ihm nieder.

Nguyện vì công ân quốc gia thủy thổ cùng ân sanh thành dưỡng dục của mẹ cha,

Nhất tâm đánh lễ: Nam Mô Hiện Tọa Đạo Tràn Thuyết Kinh Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (1lay)

*Mögen wir, aus Dankbarkeit, für das Mutterland und für unsere Eltern, welche uns zur Welt gebracht und erzogen haben, uns aus tiefstem Herzen verneigen:
Namo der zurzeit auf dem Thron sitzende, Belehrung gebende Guru Buddha Shakyamuni.*

Nguyện vì công ân Thầy Tổ Thiện Hữu Tri Thức Giáo Huấn cùng ân cúng dường hộ trì Tam Bảo của Đàn Na Tín Chủ.

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh từ thị Di Lặc Tôn Phật. (1lay)

*Mögen wir, aus Dankbarkeit, für unsere Meister und Patriarchen, sowie für alle Spirituellen-Freunde und die an die drei Juwelen spendenden und unterstützenden Gläubigen.
Aus tiefstem Herzen verneige ich mich: Namo Herr der Drachenwelt, zukünftig geborener Buddha Maitreya.*

Nguyện vì chúng sanh đang chịu khổ trong tam đồ cùng luân hồi trong lục đạo.

Nhất tâm đánh lễ: Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. (1lay)

Mögen wir für leidende Lebewesen in den drei Welten, der sechs Daseinsbereiche Samsaras uns aus tiefstem Herzen verneigen: Namo dem äußerst gütigen und mitfühlenden Buddha Amitabha in der westlichen Welt der höchsten Freude.